

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

Số: 95 /2017/CV-TCHC

V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm
2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Lào Cai, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0203 501 540 Fax: 0203 906 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung công bố thông tin:
Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 được lập vào tháng 03/2017.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
-----NEDI2-----**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

Lào Cai, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung.....	1
1	Thông tin khái quát.....	1
2	Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	1
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	2
5	Định hướng phát triển.....	8
6	Các rủi ro.....	8
II.	Tình hình hoạt động trong năm.....	8
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2	Tổ chức nhân sự.....	9
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	12
4	Tình hình tài chính.....	13
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	15
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	16
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	18
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
2	Tình hình tài chính.....	20
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.....	21
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	21
5	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).....	22
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	22
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	23
1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	23
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.....	26
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	27
V.	Quản trị công ty.....	27
1	Hội đồng quản trị.....	27
2	Ban kiểm soát.....	32
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích HĐQT, Ban GD và BKS.....	33
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	34
1	Ý kiến kiểm toán.....	34
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	35

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO2- NEDI 2.,JSC
- Tên viết tắt: NEDI2
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300 21 55 27 – tỉnh Lào cai cấp ngày: 08/9/2016
- Vốn điều lệ: 500 tỷ VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 64B, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại: 0203 501 540
- Số fax: 0203 903 661
- Website: nedi2.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): ND2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.

Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của Vinaconex, một tổng công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay NEDI 2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện và bất động sản.

Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao đó, NEDI 2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, NEDI 2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện;

+ Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền

móng, xử lý nền đất yếu, cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;

+ Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, vật liệu xây dựng;

+ Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

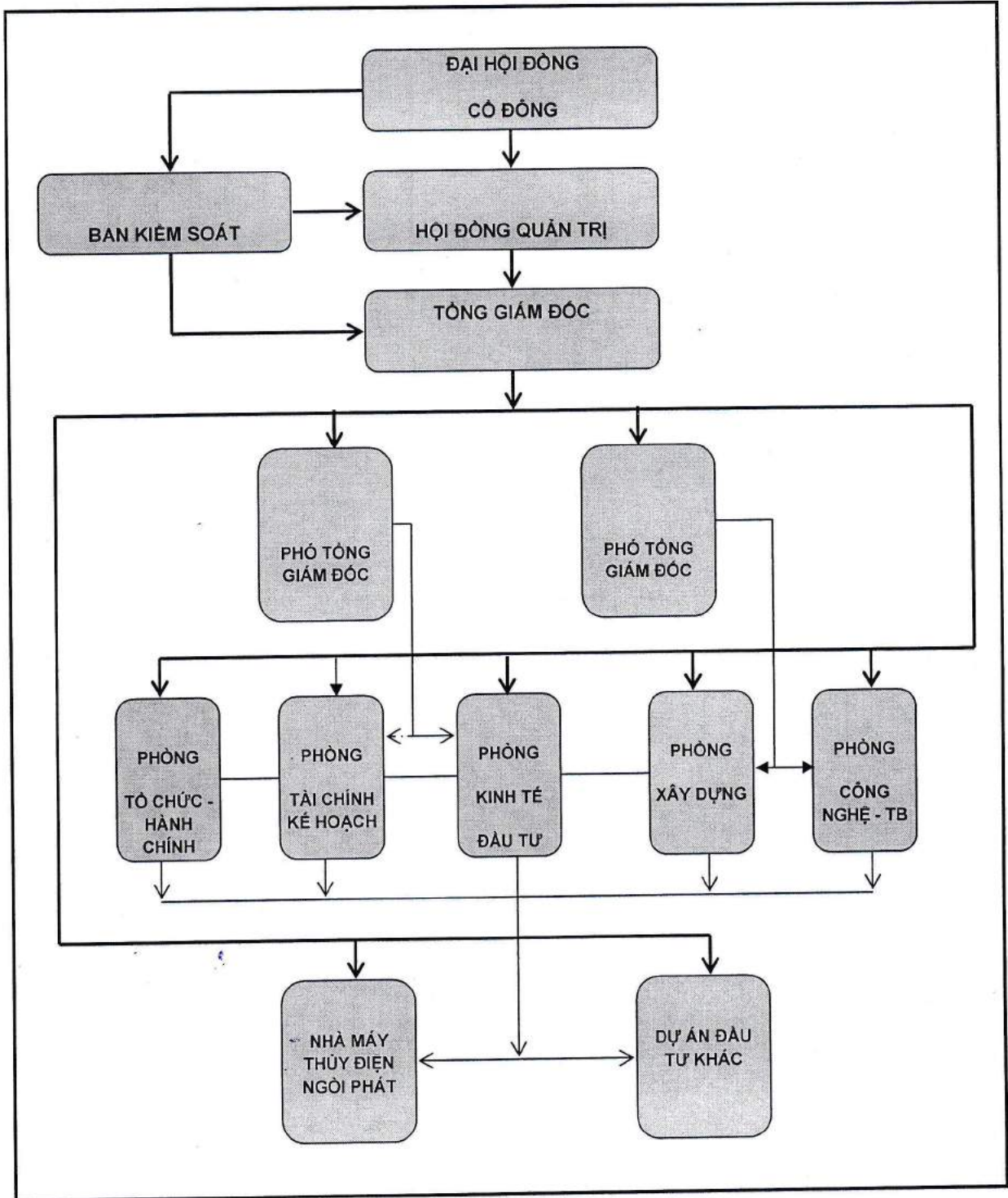
Do yêu cầu tiến độ năm 2014 công ty tập trung đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát và đã hoàn thành phát điện 03 tổ máy đồng thời tổ chức lễ khánh thành nhà máy thành công vào ngày 27/12/2014. Kể từ 01/2015 đến nay nhà máy thủy điện Ngòi Phát đã đi vào vận hành ổn định – an toàn – tin cậy và luôn vượt sản lượng theo kế hoạch đề ra.

- Địa bàn hoạt động hiện nay: Tại nhà máy thủy điện Ngòi Phát thuộc xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

a. Đại hội đồng cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	32.400.000	78,01%	
1	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	31.700.000	76,32%	
2	Công ty chứng khoán SME	700.000	1,69%	
II	Thẻ nhân và pháp nhân khác	9.129.650	21,99%	
	Tổng cộng	41.529.650	100,00%	

b. Hội đồng quản trị:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Nguyễn Ngọc Điệp	1959		Ba đình, Hà Nội	1	KSXĐ-Th. sỹ	Cao cấp		Chủ tịch
2	Nguyễn Hữu Ngọc	1973		Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội	1	Thạc sỹ	Tr. Cấp		Ủy viên
3	Nguyễn Thành Phương	1955		Kim Động, Hưng Yên	1	Thạc sỹ	Cao cấp		Ủy viên
4	Ứng Hồng Vận	1962		Từ Liêm, Hà Nội	1	KSCK	Tr. Cấp		Ủy viên
5	Đông Thị Lan		1960	Nam Từ Liêm, Hà Nội		Sư phạm, Tài chính, Luật KT			Ủy Viên

c. Ban kiểm soát:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN	
1	Đặng Thanh Huấn (Vinaconex)	1964		Bình Giang, Hải Dương	1	ĐHT CTD	Cao cấp		Trưởng ban kiểm soát
2	Nguyễn Xuân Dũng (BIDV)	1980		Tây Hồ, Hà Nội	1	Thạc sỹ	Tr. cấp		Ủy viên
3	Hoàng Trọng Thạch (SME)	1979		Kim Động, Hưng Yên	1	CN luật	Sơ cấp		Ủy viên

b. Ban Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc công ty - Phụ trách chung:

Ông: Ứng Hồng Vận

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1962

Số CMTND: 013479110

Công an Hà Nội cấp 06/10/2011

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán: Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Ngõ 33, Phạm Tuấn Tài, Phường Cổ Nhuế 1, Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

0976 292 488

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí- Đại học kỹ thuật CN Việt Bắc

Quá trình công tác:

+ 03/1987 – 02/2006 Công tác tại Tổng công ty LILAMA Việt Nam

+ 03/2006 – 07/2006: Phó Giám đốc Ban điều hành hồ chứa nước Cửa Đạt, TCT cổ phần Vinaconex.

+ 07/2006 – 06/2008: PGĐ Ban quản lý xi măng Cẩm Phả, TCT cổ phần Vinaconex

+ 06/2008 – 01/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Cẩm phả, TCT cổ phần Vinaconex

+ 01/2010 – 06/2010: Phó Giám đốc công ty đá trắng Vinaconex

-
- + 07/2010 – 05/2011: Giám đốc công ty đá trắng Vinaconex
 - + 05/2011 – 01/2013: Chuyên viên Ban đầu tư TCT Vinaconex
 - + 01/2013 – 04/2013: Phó Tổng giám đốc công ty Viwasupco – Tổng công ty CP vinaconex
 - + 05/2013 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Số cổ phần nắm giữ: 3.005.500 CP

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 5.500 CP
+ Đại diện sở hữu: 3.000.000 CP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

- Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách kinh tế kế hoạch – đầu tư:

Họ và tên: **Nguyễn Hải Đăng**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 07 tháng 05 năm 1973

CMTND: 0111152135 Ngày cấp: 21/09/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Nhà 18/C5, Tổ dân phố số 7, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0912322063

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
1996 - 2001	Nhân viên phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 6
2001 - 2002	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2002 - 2003	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6

2003 - 2004	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý đầu tư và xây dựng các nhà máy thủy điện (Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam - VINACONEX)
7/2004 - 7/2007	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2
7/2007 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2

- Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Kỹ thuật:

Họ và tên: **Trần Vĩnh Hào**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/1/1976

Nơi sinh: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa các xí nghiệp công nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
06/1997 – 04/2002	Kỹ sư xưởng sản xuất công ty TNHH VIT-METAL km 9 đường Bắc Thăng long Nội Bài xã Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc
05/2002 – 04/2005	Kỹ sư giám sát liên danh VIKOWA (VINACONEX&KOLON) thầu dự án cấp nước 1 A
05/2005 – 06/2008	Kỹ sư giám sát, chuyên viên Ban quản lý đầu tư XD hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội – Tổng công ty VINACONEX
06/2008 – 03/2009	Phó trưởng ban CBSX nhà máy nước VINACONEX
03/2009 – 02/2011	Phó tổng giám đốc công ty nước sạch VINACONEX (VIWASUPCO)
03/2011 – 04/2014	Chuyên viên ban điều hành thi công dự án khu đô thị Bắc an khánh – Tổng công ty VINACONEX
05/2014 – 09/2014	Chuyên viên BXD Tổng công ty biệt phái công tác tại công ty CP đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2 đảm nhận Tổ trưởng tổ kiểm soát hệ thống thiết bị đồng bộ NM thủy điện Ngòi Phát
10/2014 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2017:

+ Vận hành ổn định – an toàn – hiệu quả và tin cậy nhà máy thủy điện Ngòi Phát; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện so với kế hoạch đề ra;

+ Hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát trong quý I/2017;

+ Phê duyệt xong Quy hoạch và hoàn thành các thủ tục pháp lý dự án Ngòi Phát mở rộng để khởi công dự án vào quý III/2017;

+ Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu/hợp tác đầu tư các dự án khác trên địa bàn Lào Cai có hiệu quả, khả thi...vv;

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phối hợp với Tổng công ty tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển/ hợp tác đầu tư các dự án thủy điện có quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn Lào Cai và các tỉnh phía Bắc Việt Nam.

6. Các rủi ro:

Do thiên tai, hỏa hoạn ...v.v không lường trước được (bất khả kháng xảy ra);

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2016 là năm thứ 2 đưa nhà máy thủy điện Ngòi Phát tỉnh Lào Cai đi vào vận hành sản xuất. Trong năm 2016, về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao, công tác sản xuất đảm bảo an toàn. Thống kê thủy văn năm 2016 là khá đều, nhà máy đã tận dụng được tối đa nguồn nước để vận hành phát điện với công suất tối đa và sự phối hợp chặt chẽ với các cấp điều độ Ao,A1 (thuộc EVN) dẫn đến các tổ máy luôn được nối lưới khi có nước về đã giúp sản lượng điện thương phẩm năm 2016 đạt 402,38 triệu KWh tăng cao so với cùng kỳ năm 2015 đạt 377,94 KWh tăng 24,44 triệu KWh tương đương tăng 6,47%. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 đạt 79,29 tỷ đồng so với lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 đạt 67,79 tỷ đồng tăng 11,5 tỷ đồng tương đương tăng 16,96%.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD trong năm 2016. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	Sản lượng	Đvt	SL kế hoạch và thực hiện	Sản lượng theo công suất thiết kế	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Sản lượng kế hoạch 2016	Tr.kwh	346,4	303,5	42,9	114,14%
2	Sản lượng thực hiện 2016	Tr.kwh	402,4	303,5	98,9	132,59%

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Chênh lệch (TH-KH)	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu Kwh	346,37	402,39	56,02	116,17%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	345,15	404,6	59,60	117,96%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	299,15	325,46	26,31	108,30%
4	<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí tài chính</i>	<i>Tỷ đồng</i>	147,46	152,4		
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46	79,3	33,29	172,37%

Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh:

- Hoạt động của nhà máy: Về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao; công tác sản xuất vận hành, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão được kiện toàn nên công tác an toàn được duy trì tuyệt đối. Tuy nhiên, CBCNV Nhà máy sau gần 3 năm vận hành, đến nay mặc dù đã có nhiều tiến bộ so với thời gian đầu do tự đào tạo và đào tạo ngoài nhưng hiện nay do các tồn tại về thiết bị để lâu, lỗi thiết kế, thiếu tài liệu và chuyển giao công nghệ (một số bí mật công nghệ AHPL không chuyển giao) nên vẫn còn một số tồn tại lớn như hiện tượng nhiễm nước của ổ hướng TGB... do đó phải cần thêm sự cải tiến công nghệ, cải tiến kỹ thuật và hỗ trợ của các chuyên gia cao cấp để xử lý... vì vậy, trình độ nhân lực cần thêm thời gian để nắm bắt, học tập, nâng cao đào tạo và hoàn thiện, làm chủ hoàn toàn hệ thống công nghệ trong Nhà máy.

- Số liệu vận hành thực tế năm 2016 cho thấy sản lượng tổn hao trung bình 4%, trong đó tiêu thụ tự dùng là khoảng 0,92%, giảm so với năm 2015 và tổn hao đường dây trung bình 6 tháng đầu năm là khoảng 3,1%.

- Về công tác quản lý, công tác tài chính: Với tỉ lệ vốn vay chiếm 80% TMĐT nên dự án thủy điện Ngòi Phát có dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng rất lớn: Chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng gần 43% doanh thu năm 2016, đồng thời gánh theo chi phí bảo lãnh vay vốn lớn trên số dư nợ hơn 1.000 tỷ đồng. Công tác thu hồi vốn, dòng tiền bán hàng đạt yêu cầu, bình quân tiền về sau 10 ngày làm việc kể từ khi chuyển đầy đủ hồ sơ thanh toán lên Công ty Mua bán điện, qua đó Công ty sử dụng dòng tiền linh hoạt, hiệu quả hơn.

- Trong Quý 3/2016, Công ty đã hoàn thành công tác đàm phán với các tổ chức tín dụng với mục tiêu: Giảm lãi suất biên xuống thêm 0.5%/năm đến 0.7%/năm của ngân hàng BIDV kể từ 01/10/2016; Giảm lãi suất 0.95%/năm bình quân đối với tất cả dư nợ của ngân hàng VDB Lào Cai kể từ 01/07/2016 và bỏ phí bảo lãnh của Tổng công ty kể từ 01/10/2016 góp phần giảm chi phí tài chính tăng lợi nhuận năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh	Số hữu CP tại công ty
		Nam	Nữ			CM	LLC T	NN		
1	Ưng Hồng Vận	1962		Duy Tiên, Hà Nam	1	KSCK	Sơ cấp		Tổng Giám đốc C.ty	5.500
2	Nguyễn Hải Đăng	1973		Hà Đông, Hà Nội	1	CNKT	C. cấp		PTGD	26.000
3	Trần Vĩnh Hào	1976		Vân Canh, Hoài Đức	1	KS tự động	Sơ cấp		PTGD	3.000
4	Đình Tuấn Anh	1977		Yên Khánh, Ninh Bình	0	CNKT	Sơ cấp		KTT	

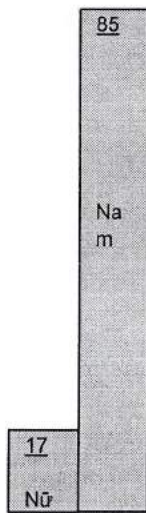
- Những thay đổi trong ban điều hành 2017: Không có

- Số lượng CBNV trong công ty và cơ cấu lao động:

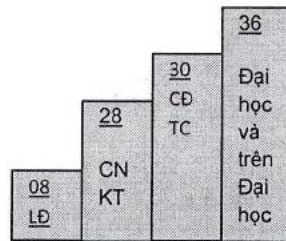
Giới	số lao động tại thời điểm 31/12/2016	Loại hợp đồng lao động	Số LĐ
Nam	85	Không thời hạn	32
Nữ	17	Có thời hạn	63
Tổng	102	Theo mùa vụ	07

Trình độ lao động	Số lao động tại thời điểm báo cáo
Đại học và trên đại học	36
Cao đẳng, trung cấp	30
CNKT	28
Lao động phổ thông	08

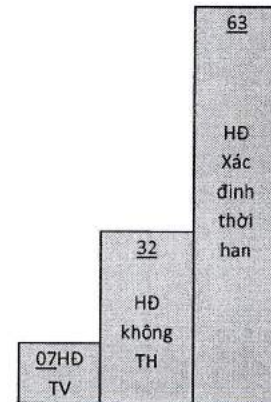
(vẽ biểu đồ cơ cấu lao động theo giới, theo trình độ và theo loại hợp đồng lao động)



Biểu đồ LĐ theo giới



Biểu đồ LĐ theo trình độ



Biểu đồ loại HĐLĐ

- Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2 là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, là đơn vị Chủ đầu tư có nhiệm vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả và tin cậy; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện theo kế hoạch giao; thực hiện công tác quyết toán sau đầu tư dự án thủy điện Ngòi phát và đầu tư dự án khu đô thị Thủy hoa tại thành phố Lào Cai vì vậy cơ cấu lao động của công ty trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án trên là hợp lý.

- Nêu nguyên nhân (đặc điểm của ngành) dẫn tới cơ cấu trên:

Nhiệm vụ chính của công ty là đảm bảo VH nhà máy ổn định – an toàn an ninh – tin cậy và hoàn thành vượt mức sản lượng giao; hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát; triển khai các dự án mới theo kế hoạch được duyệt. Vì vậy cơ cấu lao động trên là hợp lý.

- Cơ cấu trên có ảnh hưởng gì tới chính sách với người lao động:

Cơ cấu gọn và tinh của bộ máy quản lý điều hành tạo điều kiện cho CBNV phát huy được vai trò cá nhân trong công việc được giao, mặt khác Lãnh đạo công ty sẽ có điều kiện quan tâm chu đáo các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện người lao động yên tâm công tác và cống hiến phục vụ lâu dài cho công ty.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ Chính sách lương, thưởng

- Giới thiệu về hệ thống thang bảng lương của Công ty :

Công ty thành lập theo Luật doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong công ty được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động. Hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương áp dụng theo quy định tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ và thang bảng lương do công ty xây dựng áp dụng kể từ 01/1/2016;

+ Phụ cấp của ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách được công ty trình Đại hội đồng cổ đông hàng năm phê duyệt ở mức phù hợp và đảm bảo;

+ Bảng lương của Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng áp dụng theo hệ thống thang bảng lương do công ty XD và điều chỉnh kể từ 01/1/2017;

+ Bảng lương chức vụ Trưởng phòng, Phó phòng và chức vụ tương đương của công ty được áp dụng theo hệ thống thang bảng lương do công ty điều chỉnh sửa đổi ban hành kể từ 01/2017 (theo TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ);

+ Bảng lương nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của công ty (Áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương của công ty ban hành tháng 1 năm 2016 và được sửa đổi điều chỉnh kể từ 01/2017 (theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của chính phủ)

+ Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...):

Công ty thực hiện 100% CBNV làm việc tại công ty đều tham gia trích nộp BHXH, BHYT và lập sổ BHXH, cấp thẻ BHYT cho CBNV theo quy định của Luật BHXH, BHYT.

+ Và các chính sách khuyến khích vật chất: Ngoài chế độ tiền lương hàng tháng công ty chi thêm tiền thưởng nhân dịp ngày lễ tết, tiền ăn trưa cho CBNV, trang bị quần áo đồng phục và tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tặng quà sinh nhật cho CBNV công ty.

❖ Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo thường xuyên và đạo tạo bổ sung: Hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV công ty theo các lĩnh vực: Tư vấn giám sát công trình, Quản lý đấu thầu, công tác dự toán...vv. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học công ty chi trả 100%.

- Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được công ty cân đối bố trí, công ty sẽ hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo/khóa học.

❖ Chính sách trợ cấp:

Lãnh đạo công ty phối hợp với BCH công đoàn công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV: Có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi ro ...

❖ Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2016 là: 13.500.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

- Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa:

Thực hiện Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 8/3/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về thu hồi lô đất Thủy Hoa thực hiện theo kết luận của Thanh tra Chính Phủ, trong tháng 6/2016, Công ty đã thực hiện bàn giao lô đất cho Tỉnh. Theo quy định Luật đất đai điều chỉnh năm 2013 thì tất cả các dự án đầu tư bị thu hồi do vi phạm thì Chủ đầu tư đều không được hoàn trả chi phí đầu tư đã bỏ ra thực hiện dự án. Tuy nhiên, với nỗ lực của Ban điều hành, Công ty đã triển khai làm việc với UBND tỉnh Lào Cai và đã được Tỉnh hoàn trả xong số tiền sử dụng đất, giá trị tài sản còn lại là: **6.829.752.000 đồng**

- Dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng

Dự án nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng được đơn vị tư vấn là Công ty Tư vấn ĐHXD lập Báo cáo đầu tư từ năm 2015 với nhiệm vụ công trình: Nhằm tận dụng nguồn nước hiện hữu từ lưu vực nhà máy thủy điện Ngòi Phát trong mùa mưa và các bậc thang hoàn thành trên thượng lưu; sử dụng một số hạng mục sẵn có của thủy điện Ngòi Phát. Về cơ bản, Đơn vị tư vấn thẩm định là Viện Khoa học Năng lượng cùng các chuyên gia đều đánh giá dự án có tính khả thi cao. Các thông số chính của dự án trong giai đoạn lập BCNCKT như sau:

Stt	Các thông số	Đơn vị	Dự án	
			Ngòi Phát	Ngòi Phát mở rộng
1	Diện tích lưu vực	Km ²	398	398
2	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	27,72	4,08
3	Cột nước tính toán H_{tt}	m	301,8	279
4	Công suất lắp máy N_{lm}	MW	72	12
5	Loại tua bin		3 tổ máy tuabin Francis - Trục đứng	1 tổ máy tuabin Pelton - Trục ngang
6	Điện lượng bình quân năm	Triệu Kwh	314	20,6
7	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng		144,2 tỷ
8	Tiến độ thi công (không kể công tác chuẩn bị đầu tư dự án)	tháng		18 tháng

Dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng đã được Tổng công ty CP Vinaconex phê duyệt chủ trương đầu tư. Trong năm 2016, Công ty đã lựa chọn Công ty CP tư vấn điện 1 (PECC1) là đơn vị khảo sát, lập quy hoạch điều chỉnh và lập BCNCKT, đồng thời Công ty đã lập tiến độ triển khai chuẩn bị đầu tư dự án từ quý IV năm 2016 và dự kiến sẽ khởi công dự án này trong Quý III/2017. Các công việc chính đã thực hiện đến thời điểm này:

- Về hồ sơ xin điều chỉnh quy hoạch, đã được UBND tỉnh Lào Cai thông qua, hiện nay Bộ Công Thương đang thụ lý và thẩm định hồ sơ, dự kiến sẽ phê duyệt trong quý I/2017.
- Hồ sơ Thiết kế cơ sở và Báo cáo NCKT Dự án: Đã được đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra hoàn thành công tác lập và thẩm tra, dự kiến sẽ trình và được cấp có thẩm quyền phê duyệt xong trong tháng 4/2017.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	2016	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	2.056.354.915.903	2.008.765.143.881	(2,31%)
Doanh thu thuần	374.485.952.024	400.615.303.165	6,98%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	66.994.905.834	80.857.334.617	20,69%
Lợi nhuận khác	794.350.559	(1.299.135.599)	(263,55%)
Lợi nhuận trước thuế	67.789.256.393	79.288.199.018	16,96%
Lợi nhuận sau thuế	67.789.256.393	79.288.199.018	16,96%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	15%	50%
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2015	2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,83	0,80	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			

Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,77	0,70	
/Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	75,91 %	75,68 %	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,15	3,11	Lần
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			Sản xuất điện không Có hàng tồn kho
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,18	0,20	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	18,10%	19,79%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,68%	16,23%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,30%	3,95%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	17,89%	20,12%	Miễn thuế TNDN

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu của Công ty	: 41.529.650 cổ phiếu
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành	: 41.529.650 cổ phiếu
Trong đó:	
+ Đã lưu ký	: 8.673.650 cổ phiếu
+ Chưa lưu ký	: 32.856.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	: 6.900.000 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	32.400.000	78,01%	
1	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	31.700.000	76,32%	
2	Công ty chứng khoán SME	700.000	1,69%	
II	Thế nhân và pháp nhân khác	9.129.650	21,99%	
	Tổng cộng	41.529.650	100,00%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2016 không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng số dầu thủy lực làm mát: 9.500 lít/ năm;

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng phục vụ sản xuất Nhà máy: 198.000 Mwh/năm (Trực tiếp);

- Năng lượng phục vụ khối văn phòng và phục vụ sinh hoạt: 55 Mwh/năm (Gián tiếp).

Ghi chú: Năng lượng phục vụ sản xuất trực tiếp và gián tiếp năm 2016 được xác định tương đối bằng giá trị của tháng 1/2016 nhân với 12 tháng.

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 258.466 kwh.

c/ Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng : Lắp bổ sung bơm HPOP tổ máy H1 đã được hội đồng SKCTKT công nhận và đưa vào áp dụng trong vận hành, sản xuất của Nhà máy.

6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a/ Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nguồn nước của lưu vực suối Ngòi Phát, suối ngòi phát nằm phía hữu ngạn Sông Hồng thuộc tỉnh Lào Cai, bắt nguồn từ vùng núi cao nằm giữa hai huyện Phong Thổ Lai Châu và huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai, từ trên độ cao trên 3000m chảy theo hướng chính Tây Nam-Đông Bắc đổ ra Sông Hồng ở cao độ khoảng 100m giữa hai xã Cốc Mỳ và Bản Vược huyện Bát Xát, cách TP Lào Cai 25km về phía Tây Bắc.

❖ Phía thượng lưu Nhà máy:

- Thủy điện Mường Hum (nhánh chính);

- Suối Bản Xèo (nhánh phụ).

❖ Lượng nước sử dụng phát điện năm 2016 là: 322.902.591 m³.

b/ Tỷ lệ phần trăm và lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không tái sử dụng được.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2016 là: 13.500.000 đồng/người/tháng.

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ vận hành, sửa chữa cho CB- CNV Nhà máy;
- Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động;
- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định;
- Các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các đối tượng nằm trong nhóm lao động có công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm;
- Được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN...

- Về thời gian làm việc:

❖ Bộ phận hành chính:

+) Sáng: từ 7h30 đến 12h00;

+) Chiều: từ 13h00 đến 17h00.

❖ Bộ phận đi ca:

+) Ka 1: từ 6h đến 14h;

+) Ka 2: Từ 14h đến 22h;

+) Ka 3: Từ 22h đến 6h.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công tác đào tạo thường xuyên và đào tạo bổ sung: Hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV công ty theo các lĩnh vực: Tư vấn giám sát công trình, Quản lý đấu thầu, công tác dự toán.....vv. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học công ty chi trả 100%.

- Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được công ty cân đối bố trí, công ty sẽ hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo/khóa học.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Ủng hộ đồng bào huyện Bát Xát khắc phục hậu quả thiên tai do cơn bão số 2 gây ra

- Hỗ trợ xây điểm trường Ngải Thầu thuộc trường tiểu học Dền Thàng.

- Tặng quà Tết các hộ nghèo của huyện Bát Xát, Lào Cai nhân dịp tết Đinh Dậu năm 2017 và trao tặng quà cho các em học sinh nghèo vượt khó tại 03 trường tại địa phương.

- Ủng hộ cuộc vận động vì nạn nhân chất độc da cam xuân Đinh Dậu do Hội chữ thập đỏ huyện Bát Xát phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Đánh giá điều kiện thủy văn, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

- Hoạt động sản xuất và vận hành của nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

+ Điều kiện thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

Năm 2016 mùa khô tháng 1,2,3, Miền Bắc nhìn chung là ít mưa; riêng tháng 4 đã có đợt lũ sớm vào 22/4; Điều kiện thủy văn năm 2016 tại lưu vực Ngòi Phát đánh giá sơ bộ là khả quan hơn cùng kỳ năm 2015, tuy nhiên trong quý 4/2016 thủy văn có biến động và giảm mạnh so với các năm trước. Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi phát là hồ dung tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi mưa ít nhưng lượng nước về đều Nhà máy sẽ tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dẫn đến phải xả lũ. Thống kê thủy văn năm 2016 là khá đều đã giúp sản lượng điện thương phẩm tăng cao so với cùng kỳ năm 2015. Do làm tốt công tác bảo trì sửa chữa, xử lý sự cố, phòng chống bảo lụt ... nên các tổ máy luôn sẵn sàng giúp tận dụng triệt để lượng nước trong mùa khô và có lũ đột xuất. Vào mùa mưa nhiều nước, Nhà máy đã thường xuyên vận hành các Tổ máy ở công suất tối đa ~110% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, Nhà máy đã tối ưu hóa vận hành cũng như sự liên hệ và phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ A0, A1 dẫn đến các Tổ máy luôn được nổi lưới khi có nước về.

- Tổng hợp từ các yếu tố trên (thủy văn, tận dụng và phát huy tối đa giờ chạy máy, vận hành vượt ~10% công suất vào mùa mưa), Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng kế hoạch 2016 (Kwh)	Sản lượng thực hiện năm 2016 (kWh)	Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so với 2015
Sản lượng đầu cực máy phát năm 2016	370.965.026	418.481.746	112%	106%
Sản lượng điện thương phẩm năm 2016	346.396.771	402.386.295	116%	106%

1.2. Tình hình vận hành sản xuất:

- Nhà máy về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao; công tác sản xuất vận hành, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão được kiện toàn nên công tác an toàn được duy trì tuyệt đối. Tuy nhiên, CBCNV Nhà máy sau gần 3 năm vận hành, đến nay mặc dù đã có nhiều tiến bộ so với thời gian đầu do tự đào tạo và đào tạo ngoài nhưng hiện nay do các tồn tại về thiết bị để lâu, lỗi thiết kế, thiếu tài liệu và chuyển giao công nghệ (một số bí mật công nghệ AHPL không chuyển giao) nên vẫn còn một số tồn tại lớn như hiện tượng nhiễm nước của ổ hướng TGB... do đó phải cần thêm sự cải tiến công nghệ, cải tiến kỹ thuật và hỗ trợ của các chuyên gia cao cấp để xử lý... vì vậy, trình độ nhân lực cần thêm thời gian để nắm bắt, học tập, nâng cao đào tạo và hoàn thiện, làm chủ hoàn toàn hệ thống công nghệ trong Nhà máy.

- Số liệu vận hành thực tế năm 2016 cho thấy sản lượng tổn hao trung bình 4%, trong đó tiêu thụ tự dùng là khoảng 0,92%, giảm so với năm 2015 và tổn hao đường dây trung bình 6 tháng đầu năm là khoảng 3,1%.

- Công tác vận hành theo thị trường: Các kíp vận hành kiểm soát tốt thông số để vận hành thiết bị đảm bảo đúng quy định thiết kế cũng như phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn để ngăn chặn và đề xuất xử lý sớm – không ảnh hưởng đến công tác huy động tổ máy; đồng thời bám sát kế hoạch huy động công suất thị trường điện tại website thị trường và công tác thủy văn/chạy máy của các Nhà máy thủy điện bậc thang phía trên... đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục, tin cậy để không bị phạt Qdu và phát công suất tối ưu. Tuy nhiên, do giá mua trên hệ thống thị trường điện quốc gia nói chung trong năm 2016 là rất thấp nên hiệu quả chưa đạt kỳ vọng của Công ty.

1.3. Công tác bảo trì sửa chữa, khắc phục tồn tại và các công tác khác:

- Nhà máy đáp ứng kịp thời công tác thay thế sửa chữa, bảo trì, tuy chưa làm chủ được hoàn toàn công tác bảo trì sửa chữa, đặc biệt là những công việc khó như trung tu và sửa chữa lớn đều phải thuê chuyên gia và nhà thầu có kinh nghiệm. Tuy nhiên, về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu, đảm bảo công tác vận hành an toàn và liên tục.

- Hoàn thành toàn bộ công tác bảo dưỡng thường xuyên các hệ thống máy móc thiết bị, kiểm tra vận hành đường dây đảm bảo ổn định, tin cậy cao nhất cho mùa mưa lũ, thực hiện tốt các công tác sửa chữa thường xuyên, trực xử lý sự cố, trực phòng chống lụt bão 24/24h

- Tiếp tục xử lý hiện tượng nhiễm nước vào dầu ổ hướng tua bin TGB của các Tổ máy để đảm bảo vận hành ổn định và giảm thiểu lượng dầu thay. Nhà thầu AHPL thay mới 01 ổ hướng TGB cho Tổ máy H1 nhưng kết quả không đạt yêu cầu, hiện tượng dầu nhiễm nước đã giảm nhưng vẫn còn chứng minh đây là lỗi thiết kế của AHPL, trong thời gian tới Nhà máy phải tiếp tục thống nhất cùng AHPL xử lý triệt để lâu dài.

- Đặt hàng và lắp đặt thử nghiệm hệ thống lọc nước kỹ thuật theo thiết kế mới cho Tổ máy H3 để chống tắc lọc vào mùa lũ. Kết quả cho thấy tương đối khả quan nên Công ty đang triển khai tiếp cho hai tổ máy còn lại.

- Xử lý chống thấm máng tràn ngang, đổ bù bê tông tại hố sỏi đuôi máng tràn, nạo vét kênh, cửa nước, khắc phục sạt lở do thiên tai lũ lụt năm 2016 mang lại.

- Đặt hàng bổ sung các vật tư dự phòng theo kế hoạch để phục vụ tối ưu sẵn có cho công tác sửa chữa, thay thế, vận hành ổn định, liên tục.

1.3. Công tác Quản lý - Đào tạo CBCNV Nhà máy:

- Công ty đã tiến hành các công tác đào tạo sau: An toàn vệ sinh lao động cho CB – CNV Nhà máy; Huấn luyện nghiệp vụ PCCN cho CB – CNV Nhà máy, đào tạo nâng cao hệ thống điện điều khiển; Sử dụng thiết bị PLC S7200 và TM1703 Nhà máy; Chuyên đề Vận hành hệ thống điện (Trường ca) Nhà máy; Đào tạo bổ xung và sát hạch các chức danh Trưởng kíp gian máy, Trực trung tâm, Trực gian máy để đảm bảo tính dự phòng trong công tác vận hành sản xuất. Đồng thời tiếp tục chỉnh lý biên soạn các Quy trình quản lý, quy trình kỹ thuật ...

- Năm 2016 đã làm chủ cơ bản công tác vận hành nhà máy (đạt trên 90%), làm chủ công tác bảo trì, sửa chữa (đạt 70%).

1.4. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2016 hưởng ứng các đợt phát động thi đua của Ban chấp hành công đoàn và Đoàn thanh niên, các cá nhân và tập thể CBNV nhà máy đã nỗ lực phấn đấu tìm tòi phát huy sáng kiến cải

tiến kỹ thuật khắc phục các hạng mục công trình của nhà máy còn tồn tại đem lại hiệu quả nhất định cho công tác VH của nhà máy góp phần tiết giảm chi phí vận hành, tiết kiệm tiêu hao điện

1.5. Kết quả sản xuất kinh doanh.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong giai đoạn đầu năm. Kết quả cụ thể như sau:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	346.5	403.8	116.5%
	- Doanh thu bán điện	344.1	400.6	
	- Doanh thu tài chính	2.4	3.8	
2	Chi phí sản xuất kinh doanh	300.5	324.46	107.9%
	Trong đó:			
	- Chi phí tài chính	158.1	152.4	
	Lãi vay	147.5	144.46	
	Phí bảo lãnh	10.6	7.94	
3	Lợi nhuận sau thuế	46	79.3	172.5%
4	Nộp ngân sách	57.4	74	128.9%
5	Cổ tức	10%	15%	150%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Chỉ tiêu cơ cấu tài sản: Theo số liệu trình bày Báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31/12/2016 chỉ tiêu cơ cấu tài sản không có biến động lớn trong đó chỉ tiêu Tổng tài sản năm 2016 là: 2.008,8 tỷ đồng so với Tổng tài sản năm 2015 là 2.056,3 tỷ đồng đã giảm 47,5 tỷ đồng tương ứng giảm 2,31 % so với năm 2015 nguyên nhân giảm do trả nợ gốc vay Ngân hàng và một số hạng mục quyết toán của dự án thủy điện Ngòi Phát giảm.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Công ty không có biến động lớn về các khoản phải trả các khoey không có biến động lớn về các khoản phải trả.uyết toán của dự án thủy điện Ngòi Phát giảm. sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnhxuất kinh doanh, các khoản này sẽ thanh toán cho các Nhà thầu khi các nhà thầu quyết toán hợp đồng và các chi phí sản xuất kinh doanh đến kỳ thanh toán.

Năm 2016 Công ty đưa nhà máy thộng lớn về các khoản phải trả.uyết toán của d năm thy đưđã có doanh thu đảm bảo dòng tiền đã có doanh thu đảm bảo dòng tiền các kho

Tình hình trả nợ gốc vay 2016 (Đvt: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dư nợ gốc vay đầu năm	Kế hoạch trả nợ gốc vay trong kỳ	Đã trả nợ gốc vay	Giải ngân trong kỳ	Dư nợ gốc vay cuối kỳ	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	1.047			28	1.075	100%
2	VDB	400,6	53,76	53,76		346,8	100%
	Cộng	1.447,6	53,76	53,76	28	1.421,8	

- Tình hình trả nợ lãi:

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Lãi vay phải trả	Đã trả nợ lãi vay	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	113.76	113.76	100%
2	VDB	30.7	30.7	100%
	Cộng	144.46	144.46	

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay. Năm 2016 Công ty đưa nhà máy thủy điện Ngòi Phát đi vào sản xuất kinh doanh năm thứ 2 đã có doanh thu đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ vay Ngân hàng nên không có khoản nợ xấu).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cơ cấu tổ chức tinh gọn, không chồng chéo
- Chức năng, nhiệm vụ rõ ràng và phân cấp quản lý từ lãnh đạo công ty đến các phòng ban, đơn vị trực thuộc thống nhất quản lý điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Thực hiện nhiệm vụ trong tâm của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua năm 2014 và định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2014-2019; Hội đồng quản trị đưa ra định hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm của Công ty như sau:

- Vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát an toàn, hiệu quả, tin cậy và tiết kiệm chi phí.
- Phấn đấu cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm trên 10%.
- Làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty;

quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;

- Đầu tư xây dựng dự án Ngòi Phát mở rộng. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư (thông qua hợp tác đầu tư, góp vốn cổ phần/hoặc chuyển nhượng dự án) để tham gia đầu tư các dự án thủy điện có quy mô nhỏ, dưới 30 MW) trên địa bàn các tỉnh Phía Bắc.
- Tìm kiếm và tham gia vào các dự án kinh doanh khai thác khoáng sản và khai thác VLXD, nước sạch tại Lào Cai là những thế mạnh của tỉnh Lào Cai và phù hợp với định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lào Cai được phê duyệt;
- Tiến tới hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư. Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ, coi đó là một trong các giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2016 được đính kèm theo Báo cáo thường niên mục VI.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (Tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Tuân thủ thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy:

- Quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tại Nhà máy 06 tháng/lần/năm;
- Trồng rừng thay thế hoàn nguyên sau thi công xong dự án;
- Duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đảm bảo nước cho hệ sinh thái;
- Đối với các chất thải nguy hại: Như dầu thải, ắc quy, bóng đèn, rẻ lau... thu gom lưu kho và xử lý theo quy định của pháp luật;
- Đối với các chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường: Phân loại, tập kết xử lý chôn lấp hợp vệ sinh.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng người lao động.

- Sử dụng lao động đúng mục đích tuyển dụng và đảm bảo quyền lợi của người lao động;
 - Huấn luyện, sát hạch AT-VSLĐ, PCCN theo đúng quy định;
 - Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ vận hành, sửa chữa cho CB- CNV Nhà máy;
 - Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động;
 - Khám sức khỏe định kỳ theo quy định;
 - Các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các đối tượng nằm trong nhóm lao động có công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm;
 - Được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN...
- Về thời gian làm việc:**

❖ Bộ phận hành chính:

+) Sáng: từ 7h30 đến 12h00;

+) Chiều: từ 13h00 đến 17h00.

❖ Bộ phận đi ca:

+) Ka 1: Từ 6h đến 14h;

+) Ka 2: Từ 14h đến 22h;

+) Ka 3: Từ 22h đến 6h.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp đóng trên địa phương.

- Trang bị, lắp đặt thiết bị cảnh báo lũ theo quy định của Bộ công thương;
- Tạo công ăn việc làm cho CB-CNV địa phương đóng trên địa bàn;
- Xây dựng công trình từ thiện: Trường mầm non xã Dền Thành, hỗ trợ vật liệu xây dựng đường xá... giúp nhân dân địa phương nâng cao chất lượng cuộc sống;
- Hỗ trợ, phát động quyên góp ủng hộ đồng bào gặp khó khăn: đợt lũ năm 2016; hộ nghèo; gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.... ổn định cuộc sống.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Hội đồng quản trị

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị: Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên:

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Ngọc Điệp | Chủ tịch HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex) |
| 2. Ông Nguyễn Hữu Ngọc | Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex) |
| 3. Ông Ứng Hồng Vận | Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex) |
| 4. Ông Nguyễn Thành Phương | Thành viên HĐQT |
| 5. Bà Đồng Thị Lan | Thành viên HĐQT |

1.2. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định/nghị quyết chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là:

- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt các chủ trương, chiến lược đã đề ra. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT.

- Duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định (03 tháng một lần) và họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình cũng như số lượng thành viên dự họp và biểu quyết thông qua theo luật định các nội dung vấn đề được nêu ra. Đồng thời, thường xuyên trao đổi thông tin, bàn bạc thảo luận, phối hợp thống nhất chỉ đạo giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị để đưa ra các biện pháp giải quyết kịp thời đáp ứng yêu cầu về đầu tư và SXKD của Công ty.

1.3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

1.3.1. Doanh thu và lợi nhuận

Năm nay mùa khô tháng 1,2,3, Miền Bắc nhìn chung là ít mưa; riêng tháng 4 đã có đợt lũ sớm vào 22/4; Điều kiện thủy văn năm 2016 tại lưu vực Ngòi Phát đánh giá sơ bộ là khả quan hơn cùng kỳ năm 2015, tuy nhiên trong quý 4/2016 thủy văn có biến động và giảm mạnh so với các năm trước. Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi phát là hồ dung tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi mưa ít nhưng lượng nước về đều Nhà máy sẽ tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dẫn đến phải xả lũ. Thống kê thủy văn năm 2016 là khá đều đã giúp sản lượng điện thương phẩm tăng cao so với cùng kỳ năm 2015. Do làm tốt công

tác bảo trì sửa chữa, xử lý sự cố, phòng chống bảo lụt ... nên các tổ máy luôn sẵn sàng giúp tận dụng triệt để lượng nước trong mùa khô và có lũ đột xuất. Vào mùa mưa nhiều nước, Nhà máy đã thường xuyên vận hành các Tổ máy ở công suất tối đa ~110% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, Nhà máy đã tối ưu hóa vận hành cũng như sự liên hệ và phối hợp nhịp nhàng với các cấp điều độ A0, A1 dẫn đến các Tổ máy luôn được nổi lưới khi có nước về.

Tổng hợp từ các yếu tố trên (thủy văn, tận dụng và phát huy tối đa giờ chạy máy, vận hành vượt ~10% công suất vào mùa mưa), Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng kế hoạch 2016 (Kwh)	Sản lượng thực hiện năm 2016 (kWh)	Tỷ lệ % so với KH	Tỷ lệ % so với 2015
Sản lượng đầu cực máy phát năm 2016	370.965.026	418.481.746	112%	106%
Sản lượng điện thương phẩm năm 2016	346.396.771	402.386.295	116%	106%

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong giai đoạn đầu năm. Kết quả cụ thể như sau:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	346.5	404.6	116.5%
	- Doanh thu bán điện	344.1	400.6	
	- Doanh thu tài chính	2.4	3.8	
2	Chi phí sản xuất kinh doanh	300.5	324.46	107.9%
	<u>Trong đó:</u>			
	- Chi phí tài chính	158.1	152.4	
	Lãi vay	147.5	144.46	
	Phí bảo lãnh	10.6	7.94	
3	Lợi nhuận sau thuế	46	79.3	172.5%
4	Nộp ngân sách	57.4	74	128.9%
5	Cổ tức	10%	15%	150%

1.3.2 Tình hình tài chính của Công ty

Với kết quả sản xuất kinh doanh trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- Tình hình trả nợ gốc dự án thủy điện Ngòi Phát (ĐVT: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Dư nợ gốc vay đầu năm	Kế hoạch trả nợ gốc vay trong kỳ	Đã trả nợ gốc vay	Giải ngân trong kỳ	Dư nợ gốc vay cuối kỳ	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	1.047			28	1.075	100%
2	VDB	400,6	53,76	53,76		346,8	100%
	Cộng	1.447,6	53,76	53,76	28	1.421,8	

- Tình hình trả nợ lãi dự án thủy điện Ngòi Phát (ĐVT: tỷ đồng).

Stt	Ngân hàng tài trợ vốn	Lãi vay phải trả	Đã trả nợ lãi vay	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	BIDV	113.76	113.76	100%
2	VDB	30.7	30.7	100%
	Cộng	144.46	144.46	

1.3.3 Tình hình quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát

Do tính chất đặc thù của dự án thủy điện Ngòi Phát kéo dài từ năm 2003 (tổng cộng thời gian đầu tư hơn 12 năm) và có sự thay đổi, chuyển giao Chủ đầu tư và thay đổi quy mô dự án nhiều lần nên tiến độ công tác quyết toán mặc dù có chậm hơn so với mục tiêu, kế hoạch được ĐHĐCĐ Công ty thông qua. Tuy nhiên, với sự nỗ lực, tập trung và quyết tâm cao của tập thể CBNV, kết thúc năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc quyết toán dự án. Cụ thể, kết quả thực hiện công việc như sau:

- Hoàn thành Báo cáo quyết toán của Chủ đầu tư
- Hoàn thành việc kiểm toán độc lập do Công ty TNHH Kiểm toán An - Việt thực hiện và báo cáo thẩm tra sau kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện,
- Đồng thời, trong tháng 12/2016, hồ sơ quyết toán đã được cổ đông lớn là Tổng công ty CP Vinaconex soát xét, thẩm định và kết luận đủ cơ sở và điều kiện để Công ty phê duyệt quyết toán.

Đến nay Công tác quyết toán đã cơ bản hoàn thành với giá trị quyết toán là: 2.092,92 tỷ đồng (chi tiết được đề cập trong báo cáo của Tổng giám đốc).

1.3.4 Công tác đầu tư dự án

a. Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa.

Thực hiện Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 8/3/2013 của UBND tỉnh Lào Cai về thu hồi lô đất Thủy Hoa thực hiện theo kết luận của Thanh tra Chính Phủ, trong tháng 6/2016, Công ty đã thực hiện bàn giao lô đất cho Tỉnh. Theo quy định Luật đất đai điều chỉnh năm 2013 thì tất cả

các dự án đầu tư bị thu hồi do vi phạm thì Chủ đầu tư đều không được hoàn trả chi phí đầu tư đã bỏ ra thực hiện dự án. Tuy nhiên, với nỗ lực của Ban điều hành, Công ty đã triển khai làm việc với UBND tỉnh Lào Cai và đã được Tỉnh hoàn trả xong số tiền sử dụng đất, giá trị tài sản còn lại là: **6.829.752.000 đồng**

b. Dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng.

Dự án nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng được đơn vị tư vấn là Công ty Tư vấn ĐHXD lập Báo cáo đầu tư từ năm 2015 với nhiệm vụ công trình: Nhằm tận dụng nguồn nước hiện hữu từ lưu vực nhà máy thủy điện Ngòi Phát trong mùa mưa và các bậc thang hoàn thành trên thượng lưu; sử dụng một số hạng mục sẵn có của thủy điện Ngòi Phát. Về cơ bản, Đơn vị tư vấn thẩm định là Viện Khoa học Năng lượng cùng các chuyên gia đều đánh giá dự án có tính khả thi cao. Dự án thủy điện Ngòi Phát Mở Rộng đã được Tổng công ty CP Vinaconex phê duyệt chủ trương đầu tư. Trong năm 2016, Công ty đã lựa chọn Công ty CP tư vấn điện 1 (PECC1) là đơn vị khảo sát, lập quy hoạch điều chỉnh và lập BCNCKT, đồng thời Công ty đã lập tiến độ triển khai chuẩn bị đầu tư dự án từ quý IV năm 2016 và dự kiến sẽ khởi công dự án này trong Quý III/2017. Các công việc chính đã thực hiện đến thời điểm này:

- Về hồ sơ xin điều chỉnh quy hoạch, đã được UBND tỉnh Lào Cai thông qua, hiện nay Bộ Công Thương đang thụ lý và thẩm định hồ sơ, dự kiến sẽ phê duyệt trong quý I/2017.
- Hồ sơ Thiết kế cơ sở và Báo cáo NCKT Dự án: Đã được đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra hoàn thành công tác lập và thẩm tra, dự kiến sẽ trình và được cấp có thẩm quyền phê duyệt xong trong tháng 4/2017.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ SXKD năm 2016, tạo ra lợi nhuận là 79,2 tỷ đồng và hoàn thành công tác quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát, chuẩn bị đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng. Đánh giá đây là nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành Công ty trong việc thực thi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty;

- Công tác quản trị doanh nghiệp của Ban giám đốc công ty ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu của Cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Minh bạch thông tin quản lý của doanh nghiệp thông qua việc công bố thông tin lên thị trường chứng khoán và trang thông tin điện tử của Công ty;
- Đánh giá chung năm 2016 Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, các chỉ số tài chính đều vượt và tăng so với cùng kỳ năm 2015. Cụ thể:
 - + Sản lượng điện tăng 116% so với kế hoạch
 - + Doanh thu tăng 116,5% so với kế hoạch
 - + Lợi nhuận sau thuế đạt 79,34 tỷ đồng, tăng 172,5% so với kế hoạch

Tuy nhiên Ban điều hành cần lưu ý một số công việc sau để đảm bảo phát huy tinh thần sáng tạo và hoàn thành kế hoạch năm 2017 đã được nêu trong Báo cáo Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty:

- Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy và vận hành thống nhất từ Công ty đến đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống quản lý được chuẩn hóa và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành xuyên suốt từ Công ty đến đơn vị

trực thuộc và các phòng ban, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị, kiện toàn bộ máy của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, đội ngũ vận hành nhà máy đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả.

- Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty đã từng bước tạo dựng được môi trường làm việc dân chủ, khoa học, phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên; định kỳ tổ chức các phiên họp tập trung để thảo luận tình hình kinh doanh và đầu tư, chiến lược phát triển, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu NEDI 2.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Công ty theo Nghị Quyết của ĐHCĐ đã thông qua năm 2014 và định hướng phát triển công ty giai đoạn 2015 – 2019; HĐQT đưa ra định hướng chung và nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2017 như sau:

Định hướng kế hoạch SXKD năm 2017:

- Vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát an toàn, hiệu quả, tin cậy và tiết kiệm chi phí.
- Sản lượng điện thương phẩm đạt 354,5 triệu Kwh
- Doanh thu của Công ty năm 2017 đạt 358 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế 74,3 tỷ đồng
- Phần đầu cổ tức chi trả cho cổ đông 15%.
- Tiếp tục làm chủ công nghệ thiết bị của Nhà máy thủy điện Ngòi Phát, kiện toàn bộ máy vận hành ổn định và nâng cao tay nghề cho đội ngũ vận hành, trưởng ca, trưởng kíp, đảm bảo vận hành nhà máy An toàn, tin cậy, hiệu quả và liên tục; và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên công ty; quản lý, vận hành các hạng mục xây dựng và tài sản hình thành sau đầu tư đối với dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Phê duyệt quyết toán dự án thủy điện Ngòi Phát trong quý I/2017 theo đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và các hướng dẫn hiện hành của Nhà nước;
- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư dự án thủy điện ngòi phát mở rộng, khởi công vào quý III/2017 và tiếp tục triển khai tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới tại địa bàn Lào Cai.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Ứng Hồng Vận	Thành viên	Kiểm Tổng Giám đốc
Nguyễn Thành Phương	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

Đồng Thị Lan Thành viên Thành viên độc lập không điều hành
 Tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của công ty ngày 25/3/2016, Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên HĐQT:
 Bổ nhiệm bổ sung TVHĐQT của Công ty của ông Nguyễn Thành Phương từ ngày 03/2/2016
 Từ nhiệm chức danh TVHĐQT công ty của ông Nguyễn Thanh Hoàn từ 04/02/2016
 Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty của bà Đồng Thị Lan từ ngày 25/03/2016.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	tỷ lệ
Nguyễn Ngọc Điệp	25.700.000	không có	61,88%
Nguyễn Hữu Ngọc	3.000.000	Không có	7,22%
Ứng Hồng Vận	3.000.000	5.500 CP	7,24%
Nguyễn Thành Phương		498.500 CP	1,2%
Đồng Thị Lan		3.470.000CP	8,355%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành họp 10 cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian cụ thể như sau:

STT	Số cuộc họp	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 18 BB/2016/NEDI2-HĐQT	02/02/2016	Chấp nhận đơn từ nhiệm của bà Mạc Thị Thanh Xuân thôi đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty từ ngày 28/12/2015 Bổ nhiệm tạm thời ông Nguyễn Thành Phương vào HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2014-2019 từ ngày 03/2/2016
2	Số 19 BB/2016/NEDI2-HĐQT	2/3/2016	HĐQT thông qua nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
3	Số 20 BB/2016/NEDI2-HĐQT	22/3/2016	Xem xét đề nghị của Giám đốc Công ty về việc đề nghị HĐQT phê duyệt chủ trương thuê đơn vị tư vấn thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành công trình thủy điện Ngòi Phát.
4	BB họp ĐHĐCĐ 2016	25/3/2016	Thông qua chương trình và nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, ĐHĐCĐ nghe các báo cáo theo chương trình và nội dung đã được thông qua do HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty trình bày dưới sự điều hành của chủ tọa đại hội.
5	Số 21 BB/2016/NEDI2-	4/4/2016	HĐQT nhất trí thông qua ngày chốt danh sách

	HĐQT		cổ đông để chi trả cổ tức năm 2015.
6	Số 22 BB/2016/NEDI2-KTKH	14/4/2016	Thống nhất chủ trương đầu tư mua sắm mới xe ô tô 7 chỗ ngồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
7	Số 23 /2016/BB-HĐQT	20/7/2016	Đánh giá tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty và định hướng kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016
8	Số 24 /2016/BB-HĐQT	26/8/2016	Quyết định hình thức con dấu của nhà máy thủy điện Ngòi Phát – Công ty CP ĐT và PT điện miền Bắc 2
9	Số 25 2016/BB-HĐQT	26/8/2016	Thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty
10	Số 26/2016/BB-HĐQT	04/11/2016	Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty 9 tháng đầu năm 2016, ước thực hiện cả năm 2016 và định hướng kế hoạch SXKD năm 2017.

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Ngọc Điệp	Chủ tịch HĐQT	28/03/2014	10/10	100%	
2	Nguyễn Thành Phương	Thành viên	25/03/2016	9/9	100%	Bổ nhiệm bổ sung TVHĐQT từ ngày 03/2/2016
3	Đông Thị Lan	Thành viên	25/03/2016	5/6	84%	Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty từ ngày 25/03/2016 (01 buổi vắng mặt có lý do đi công tác)
4	Ứng Hồng Vận	Thành viên	28/03/2014	10/10	100%	

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
5	Nguyễn Hữu Ngọc	Thành viên	10/04/2015	10/10	100%	
6	Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	28/03/2014	1/1	100%	Từ nhiệm chức danh TVHĐQT công ty từ 04/02/2016

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2016):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 28 NQ/2016/NEDI2-HĐQT	25/01/2016	HĐQT thống nhất phê duyệt chủ trương điều chỉnh/bổ sung một số khoản mục chi phí vào TMDT của dự án thủy điện Ngòi Phát.
2	Số 29 NQ/2016/NEDI2-HĐQT	10/01/2016	HĐQT chấp thuận chủ trương cho phép triển khai công việc "Lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ đề xuất, đánh giá tính khả thi và lập báo cáo đầu tư" dự án nâng công suất NMTĐNP.
3	Số 30 NQ/2016/NEDI2-HĐQT	03/2/2016	Thống nhất chấp thuận đơn từ nhiệm của bà Mạc Thị Thanh Xuân TVHĐQT và bổ nhiệm tạm thời ông Nguyễn Thành Phương vào HĐQT công ty Nedi 2 (nhiệm kỳ 2014-2019)
4	Số 31 NQ/2016/NEDI2-HĐQT	02/3/2016	Thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên công ty năm 2016
5	Số 32 NQ/2016/NEDI2-HĐQT	22/3/2016	Phê duyệt chủ trương thuê đơn vị Tư vấn thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành công trình thủy điện Ngòi Phát.
6	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016	25/03/2016	Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2016

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
7	Số 33 NQ/2016/NEDI2-HĐQT	04/04/2016	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2015.
8	Số 34 NQ/2016/NEDI2-HĐQT	26/04/2016	Thông nhất chủ trương đầu tư mua sắm mới xe ô tô 7 chỗ ngồi cho công ty phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
9	Số 35 NQ/2016/NEDI2-HĐQT	02/06/2016	HĐQT nhất trí thông qua chủ trương thực hiện các dự án đầu tư của công ty.
10	Số 36/2016/NQ-HĐQT	27/06/2016	Thông qua việc lựa chọn công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 cho công ty.
11	Số 37/2016/NQ-HĐQT	07/07/2016	HĐQT phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng.
12	Số 38/2016/NQ-HĐQT	11/07/2016	HĐQT phê duyệt thỏa thuận chủ trương cho phép Công ty thuê đất và mua tài sản gắn liền với đất làm trụ sở chính của Công ty tại Lào Cai.
13	Số 39/2016/NQ-HĐQT	09/8/2016	HĐQT thống nhất, phê duyệt chủ trương lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện công tác Lập báo cáo hiệu chỉnh quy hoạch, khảo sát và lập báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng, tỉnh Lào Cai.
14	Số 40/2016/NQ-HĐQT	31/10/2016	Thông nhất thông qua phương án tạm ứng cổ tức 2016.
15	Số 42/2016/NQ-HĐQT	07/11/2016	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả tạm ứng cổ tức 10% năm 2016.
16	Số 43/2016/NQ-HĐQT	30/12/2016	Ban hành quy chế tài chính Công ty cổ phần đầu tư và phát triển

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
			điện miền Bắc 2
17	Số 45/2016/NQ-HĐQT	30/12/2016	Ban hành Hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện miền Bắc 2.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban	Thành viên độc lập không điều hành
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	Cổ phần khác
Đặng Thanh Huấn	Không có	9.900 CP	Không có
Hoàng Trọng Thạch	Không có	Không có	Không có
Nguyễn Xuân Dũng	Không có	500 CP	Không có

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Các công tác đã thực hiện trong năm 2016:

- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty trong năm
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành trong năm 2016 theo quy định của pháp luật và của công ty.
- Soát xét Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm, đảm bảo BCTC được lập theo đúng các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2016.
- Soát xét, tham gia ý kiến về Báo cáo quyết toán dự án Thủy điện Ngòi Phát.
- Kiểm soát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ:

+ Cuộc họp quý I/2016: đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, soát xét BCTC và tình hình SXKD của Công ty năm 2015; thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

+ Cuộc họp quý II/2016: kiến nghị HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC của công ty năm 2016; xem xét về trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành trong quý I/2016. Thẩm định và tham gia ý kiến về Báo cáo quyết toán dự án Thủy điện Ngòi Phát giai đoạn 1.

+ Cuộc họp quý III/2016: Xem xét về trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành trong quý II/2016; thông qua báo cáo quản trị 6 tháng hoạt động của Ban Kiểm soát; soát xét BCTC bán niên 2016 của Công ty.

+ Cuộc họp quý IV/2016: Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành năm 2016; xem xét trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành trong quý III/2016; tham gia thảo luận Báo cáo Ban điều hành về ước thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty năm 2016 và dự kiến kế hoạch năm 2017; kiểm tra, soát xét việc lập và công bố BCTC quý III năm 2016 của Công ty; soát xét, có ý kiến về Báo cáo quyết toán hoàn thành toàn bộ, dự án Thủy điện Ngòi Phát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Giá trị các khoản thù lao và chi phí chi tiết cho từng người cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Chức danh	Chủ tịch	Thành viên
Thù lao	15.000.000 đ/tháng	10.000.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	200.000 đ/tháng	200.000 đ/tháng
BAN KIỂM SOÁT		
Chức danh	Trưởng ban	Thành viên
Thù lao	7.000.000 đ/tháng	4.000.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	200.000 đ/tháng	200.000 đ/tháng
BAN GIÁM ĐỐC		
Chức danh	Tổng Giám Đốc điều hành	Phó Tổng Giám đốc
Lương cố định	35.000.000 đ/tháng	29.400.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	800.000 đ/tháng	500.000 đ/tháng
Tiền ăn trưa	800.000 đ/tháng	800.000 đ/tháng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Ngọc Thủy	Người ủy quyền CBTT	17.400	0,042%	17.400	0,042%	
2	Đỗ Thị Mai Vy	Vợ người ủy quyền CBTT	20.000	0,048%	20.000	0,048%	
3	Đồng Thị Lan	Thành viên HĐQT công ty Nedi2	3.457.500	8,325%	3.470.000	8,355%	Tăng do mua
4	Công ty CP Xây dựng công trình ngầm (Đại diện: Nguyễn Thanh Hoàn)	Thành viên HĐQT công ty Nedi2	95.000	0,229%	89.000	0,214%	Giảm do bán
5	Ứng Quyết Tiến	Con Tổng GD	11.000	0,026%	0	0%	Giảm do bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính



1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh

ngiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Kèm theo Báo cáo này là Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán.

 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY 





**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Diệp

Chủ tịch

Ông Ứng Hồng Vận

Thành viên

Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Thành viên

Ông Nguyễn Thành Phương

Thành viên

(từ ngày 3 tháng 2 năm 2016)

Bà Đồng Thị Lan

Thành viên

(từ ngày 25 tháng 3 năm 2016)

Ông Nguyễn Thanh Hoàn

Thành viên

(đến ngày 4 tháng 2 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Đăng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Vĩnh Hào

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số nhà 64B, Đường Phan Đình Phùng
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Thành phố Lào Cai, 14-02-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14-02-2017 được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-184



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14 -02- 2017

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2014-007-1

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		149.725.831.359	132.513.934.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	36.850.758.156	71.538.546.625
Tiền	111		808.521.700	11.538.546.625
Các khoản tương đương tiền	112		36.042.236.456	60.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	65.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.262.113.825	50.641.709.611
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.574.897.129	31.727.542.578
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.207.090.458	9.490.807.062
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.480.126.238	9.423.359.971
Hàng tồn kho	140	9	18.352.458.685	9.713.934.067
Hàng tồn kho	141		18.352.458.685	9.713.934.067
Tài sản ngắn hạn khác	150		260.500.693	619.744.183
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.020.671	574.264.161
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	45.480.022	45.480.022
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.859.039.312.522	1.923.840.981.417
Tài sản cố định	220		1.842.510.667.439	1.912.588.214.027
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.842.510.667.439	1.904.296.908.896
Nguyên giá	222		1.981.111.832.210	1.974.089.893.197
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.601.164.771)	(69.792.984.301)
Tài sản cố định vô hình	227		-	8.291.305.131
Nguyên giá	228		-	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.797.657.322	10.681.315.849
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	4.797.657.322	10.681.315.849
Tài sản dài hạn khác	260		11.730.987.761	571.451.541
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	11.730.987.761	571.451.541
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.008.765.143.881	2.056.354.915.903

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.520.230.012.525	1.560.888.311.785
Nợ ngắn hạn	310		186.786.945.152	159.376.699.203
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.137.996.517	66.987.475.179
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.655.365.319	5.015.305.141
Phải trả người lao động	314		9.003.417.061	7.695.446.046
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	12.949.891.057	27.481.142.375
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	7.241.106.251	11.343.330.462
Vay ngắn hạn	320	17(a)	142.728.291.256	40.854.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.070.877.691	-
Nợ dài hạn	330		1.333.443.067.373	1.401.511.612.582
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	21.000.000	203.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.333.422.067.373	1.401.308.612.582
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		488.535.131.356	495.466.604.118
Vốn chủ sở hữu	410	18	488.535.131.356	495.466.604.118
Vốn cổ phần	411	19	415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.596.173.723	69.527.646.485
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.837.625.468	1.738.390.092
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		37.758.548.255	67.789.256.393
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.008.765.143.881	2.056.354.915.903

14 -02- 2017

Người lập:



Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	10	21	400.615.303.165	374.485.952.024
Giá vốn hàng bán	11		136.471.938.592	116.647.759.738
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		264.143.364.573	257.838.192.286
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.869.430.878	11.035.998.663
Chi phí tài chính	22	23	152.376.363.878	162.381.604.250
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>144.085.379.535</i>	<i>143.603.067.699</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	35.049.096.956	39.497.680.865
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		80.587.334.617	66.994.905.834
Thu nhập khác	31		270.505.232	826.673.260
Chi phí khác	32		1.569.640.831	32.322.701
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.299.135.599)	794.350.559
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		79.288.199.018	67.789.256.393
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		79.288.199.018	67.789.256.393
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.909	1.632

14 -02- 2017

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		79.288.199.018	67.789.256.393
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		69.179.371.684	68.412.688.294
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	2.842.349.448
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.141.786.649)	(870.063.951)
Chi phí lãi vay	06		144.085.379.535	143.603.067.699
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		290.411.163.588	281.777.297.883
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		29.080.974.936	79.651.402.452
Biến động hàng tồn kho	10		(8.638.524.618)	(9.713.934.067)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(75.027.927.107)	(16.991.047.239)
Biến động chi phí trả trước	12		(11.159.536.220)	2.391.222.917
			224.666.150.579	337.114.941.946
Tiền lãi vay đã trả	14		(144.096.586.709)	(156.794.011.753)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(20.562.869)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.271.492.563)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.298.071.307	180.300.367.324
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(9.071.692.074)	(157.727.879.135)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		44.000.000	-
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(65.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.046.956.120	870.063.951
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.980.735.954)	(156.857.815.184)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		233.598.748.807	167.897.332.295
Tiền trả nợ gốc vay	34		(199.611.002.760)	(136.679.743.770)
Tiền trả cổ tức	36		(75.992.869.869)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(42.005.123.822)	31.217.588.525
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(34.687.788.469)	54.660.140.665
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	71.538.546.625	16.878.405.960
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	36.850.758.156	71.538.546.625

14 -02- 2017

Người lập:



Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Ung Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 97 nhân viên (1/1/2016: 98 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ nhà điều hành thủy điện	25 năm
▪ thiết bị vận phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh tại một vùng địa lý duy nhất.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Công ty, đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính, không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	17.726.245	116.992.361
Tiền gửi ngân hàng	790.795.455	11.421.554.264
Các khoản tương đương tiền	36.042.236.456	60.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	36.850.758.156	71.538.546.625

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu người lao động	860.001	12.091.828
Các khoản chi hộ	249.575.963	1.508.108.163
Tạm ứng	3.297.617.899	6.551.257.179
Ký cược, ký quỹ	-	250.972.714
Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai (*)	6.829.752.000	-
Phải thu khác	1.102.320.375	1.100.930.087
	11.480.126.238	9.423.359.971

(*) Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai là khoản phải thu về việc hoàn trả kinh phí đầu tư Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa theo Công văn số 2209/2016/CV-TCKH ngày 22 tháng 9 năm 2016.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	962.835.652	-	489.503.623	-
Công cụ và dụng cụ	17.389.623.033	-	9.224.430.444	-
	18.352.458.685	-	9.713.934.067	-

Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Công trình thủy điện và nhà điều hành thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.407.830.000,000	66.050,958	562.519,611,934	3.674.230,305	1.974.089,893,197
Tăng trong năm	5.232.238,000	36.500,000	294.500,000	1.829,892,227	7.393,130,227
Thanh lý	-	-	-	(371,191,214)	(371,191,214)
Số dư cuối năm	1.413.062.238,000	102.550,958	562.814,111,934	5.132,931,318	1.981.111,832,210
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.224,285,714	66,050,958	28,352,570,157	1,150,077,472	69,792,984,301
Khấu hao trong năm	40,269,763,173	9,125,001	28,156,472,347	744,011,163	69,179,371,684
Thanh lý	-	-	-	(371,191,214)	(371,191,214)
Số dư cuối năm	80,494,048,887	75,175,959	56,509,042,504	1,522,897,421	138,601,164,771
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.367,605,714,286	-	534,167,041,777	2,524,152,833	1,904,296,908,896
Số dư cuối năm	1.332,568,189,113	27,374,999	506,305,069,430	3,610,033,897	1,842,510,667,439

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 có nguyên giá là 721 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	10.681.315.849	1.867.447.381.354
Tăng trong năm	1.678.561.847	111.845.316.131
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	7.596.295.065
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (*)	-	(1.970.020.000.000)
Giảm khác	(7.562.220.374)	(6.187.676.701)
Số dư cuối năm	4.797.657.322	10.681.315.849

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án. Giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát sẽ được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, các hồ sơ quyết toán vẫn chưa được hoàn thiện.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	1.533.107.301	7.562.220.374
Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	2.391.822.749	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	181.818.182	36.363.636
Dự án suối Chăn	690.909.090	690.909.090
Số dư cuối năm	4.797.657.322	10.681.315.849

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thiết bị văn phòng VND	Chi phí thuê văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	571.451.541	-	571.451.541
Tăng trong năm	127.505.090	11.824.707.375	11.952.212.465
Phân bổ trong năm	(579.618.455)	(213.057.790)	(792.676.245)
Số dư cuối năm	119.338.176	11.611.649.585	11.730.987.761

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimenco	1.407.300.566	1.407.300.566	13.597.592.229	13.597.592.229
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro	100.653.672	100.653.672	8.823.871.182	8.823.871.182
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thủy điện tỉnh Triết Giang	758.747.815	758.747.815	27.882.953.914	27.882.953.914
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	875.218.692	875.218.692	1.749.442.970	1.749.442.970
Các nhà cung cấp khác	5.996.075.772	5.996.075.772	14.933.614.884	14.933.614.884
	9.137.996.517	9.137.996.517	66.987.475.179	66.987.475.179

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimenco	1.407.300.566	1.407.300.566	13.597.592.229	13.597.592.229
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	875.218.692	875.218.692	1.749.442.970	1.749.442.970
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	-	-	201.343.070	201.343.070
Công ty Cổ phần Vimenco Cơ khí và Thương mại	105.522.381	105.522.381	1.116.943.700	1.116.943.700
	2.388.041.639	2.388.041.639	16.665.321.969	16.665.321.969

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	41.781.194.860	(39.117.822.932)	2.663.371.928
Thuế nhà thầu	1.370.663.155	825.209.048	(1.467.848.010)	728.024.193
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	(10.326.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.153.977)	-	-	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	122.778.162	1.536.455.733	(1.569.370.341)	89.863.554
Thuế tài nguyên	3.521.863.824	29.891.895.367	(32.239.653.547)	1.174.105.644
	4.969.825.119	74.034.755.008	(74.394.694.830)	4.609.885.297

Trong đó:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(45.480.022)	(45.480.022)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.655.365.319	5.015.305.141
	4.609.885.297	4.969.825.119

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	12.949.891.057	12.961.098.231
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình	-	14.520.044.144
	12.949.891.057	27.481.142.375

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn	91.954.194	109.262.259
Phải trả về cổ tức	7.066.431.657	-
Phí bảo lãnh phải trả công ty mẹ	-	5.970.230.412
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	82.720.400	5.263.837.791
	<hr/>	<hr/>
	7.241.106.251	11.343.330.462

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	203.000.000
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả công ty mẹ	-	5.970.230.412
Phải trả các công ty liên quan khác	41.158.810	41.158.810
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	190.381.294.016	(137.337.002.760)	53.544.291.256	53.544.291.256
Vay dài hạn đến hạn trả	40.354.000.000	40.354.000.000	109.184.000.000	(60.354.000.000)	89.184.000.000	89.184.000.000
	40.854.000.000	40.854.000.000	299.565.294.016	(197.691.002.760)	142.728.291.256	142.728.291.256

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền VND	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Vineco	VND	0%	-	500.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1	VND	8%	53.544.291.256	-
			53.544.291.256	500.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	1.422.606.067.373	1.441.662.612.582
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(89.184.000.000)	(40.354.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.333.422.067.373	1.401.308.612.582

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.075.751.972.373	1.041.081.517.582
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	346.854.095.000	400.581.095.000
				<hr/>	<hr/>
				1.422.606.067.373	1.441.662.612.582
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(89.184.000.000)	(40.354.000.000)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.333.422.067.373	1.401.308.612.582

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	67.789.256.393	67.789.256.393
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	79.288.199.018	79.288.199.018
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(83.059.301.526)	(83.059.301.526)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	62.596.173.723	488.535.131.356

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 41.530 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu). Trong năm 2016, Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2016 là 41.530 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu) theo Nghị quyết số 42/2016/NQ-HDQT ngày 7 tháng 11 năm 2016.

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	3.559.339.780	870.063.951
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	310.091.098	10.165.934.712
	3.869.430.878	11.035.998.663

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	144.085.379.535	143.603.067.699
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.842.349.448
Phí bảo lãnh cho các khoản vay	7.943.844.186	15.870.375.014
Chi phí tài chính khác	347.140.157	65.812.089
	<hr/>	<hr/>
	152.376.363.878	162.381.604.250

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công	19.321.035.880	16.882.709.850
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	664.671.267	352.520.137
Chi phí khấu hao	899.371.684	44.340.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.406.096.041	6.248.717.700
Chi phí khác	8.757.922.084	15.969.392.724
	<hr/>	<hr/>
	35.049.096.956	39.497.680.865

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.355.083.175	2.126.142.572
Chi phí nhân công	30.213.366.518	24.771.762.164
Chi phí khấu hao	69.179.371.684	68.412.688.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.034.319.749	9.594.293.048
Chi phí khác	58.738.894.422	51.240.554.525
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thuê thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.288.199.018	67.789.256.393
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.857.639.804	14.913.636.406
Chi phí không được khấu trừ thuế	313.928.166	14.221.989
Miễn thuế	(16.171.567.970)	(14.927.858.395)
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, dự án của Công ty được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2015 đến năm 2029). Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016 (2015: 22%).

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 79.288 triệu VND (2015: 67.789 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 41.529.650 cổ phiếu (2015: 41.529.650 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	7.943.844.186	15.870.375.014
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	7.943.844.186	34.992.938.026
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
Số tiền vay nhận trong năm	221.971.748.807	75.815.138.525
Số gốc vay trả trong năm	133.757.002.760	82.000.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco		
Mua hàng	3.919.258.995	46.036.091.962
Số gốc vay trả trong năm	500.000.000	-
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại		
Mua hàng	14.591.770	3.587.752.290
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.952.507.125	2.250.393.332

Người lập:

Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

14 -02- 2017

Đình Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

